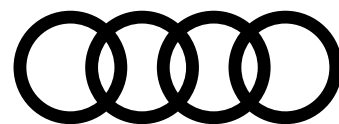


Q5

Sportback



Nhà Nhập Khẩu Chính Thức Audi
AUTOMOTIVE ASIA LTD

www.audi.vn
Hotline: 1800888861
Facebook, Instagram, YouTube: /AudiVietnam

Nhà Phân Phối Chính Thức Audi

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN Á QUỐC TẾ

Audi Hà Nội
8 Phạm Hùng, P. Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm
Tel: (24) 3768 5959
Fax: (24) 3768 5960

Audi Đà Nẵng
86C Duy Tân
Quận Hải Châu
Tel: (236) 3788 686
Fax: (236) 3798 686

Audi Hồ Chí Minh City
6B Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tel: (28) 3911 8008
Fax: (28) 3824 3961
contact@audi.vn

Audi Tân Bình HCM
Lô IV Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Tel: (28) 3943 0089
Fax: (28) 3943 0079
contact@audi.vn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Q5 Sportback S line 45 TFSI quattro

ĐỘNG CƠ

Nhiên liệu	Xăng
Loại động cơ	Động cơ 4 xy lanh thẳng hàng, phun xăng trực tiếp với turbo tăng áp và công nghệ Mild Hybrid (MHEV)
Van	16
Dung tích (cc)	1.984
Công suất cực đại kW (hp)/rpm	183 (245 hp)/ 5.000 – 6.000
Mô-men xoắn cực đại Nm/rpm	370 / 1.600 – 4.500

TRUYỀN ĐỘNG

Hộp số	7 cấp S-Tronic
Dẫn động	hệ dẫn động quattro với công nghệ ultra

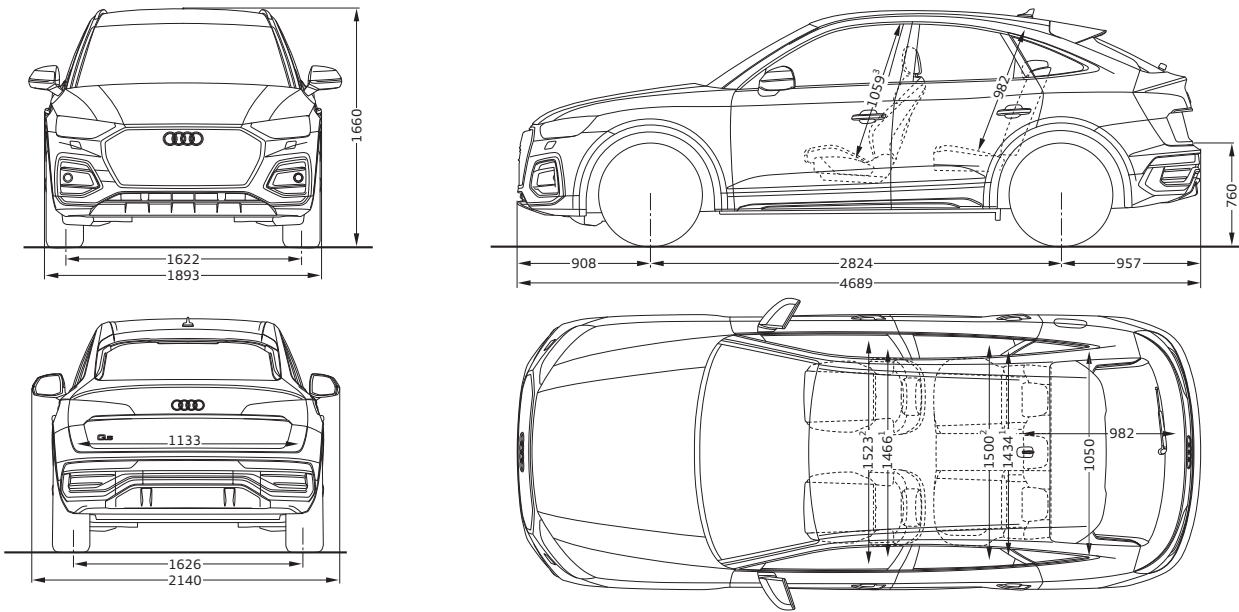
HIỆU SUẤT

Gia tốc 0–100km/h (sec.)	6,3
Tốc độ tối đa (km/h)	237
Tiêu hao nhiên liệu l/100km (Đô thị / Cao tốc / Kết hợp)	R19 14,03 / 10,41 / 11,73 (S line)
Hệ thống Khởi động/Dừng	Yes

PHANH

Trước	17-inch (NAO)
Sau	17-inch (NAO)
Hỗ trợ phanh	Anti-lock Braking System (ABS)

Số đo (Tất cả tính bằng mm)



Kích thước dựa trên dữ liệu kỹ thuật từ Audi Đức.
Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi

Chiều dài cơ sở	2.824
Dài	4.689
Cao	1.660
Rộng (gập gương/mở gương)	1.893 / 2.140
Vết bánh xe (trước/sau)	1.622 / 1.626
Trọng lượng xe (kg)	1.845
Đường kính vòng quay (m)	11,8
Dung tích khoang hành lý (l)	520
Dung tích bình xăng (l)	70

TRANG BỊ	Q5 Sportback
	S line
AN TOÀN	
Các chốt cố định ghế trẻ em ISOFIX lắp ở ghế hành khách phía trước	•
Các chốt cố định ghế trẻ em ISOFIX lắp ở ghế sau với dây neo trên cùng	•
Tính năng khóa an toàn trẻ em, kích hoạt điện tử	•
Các túi khí phía trước, có thể vô hiệu hóa túi khí hành khách phía trước	•
Túi khí bên ở phía trước và hệ thống túi khí rèm	•
TECHNOLOGY AND ASSISTANCE SYSTEMS	
Nắp khoang hành lý, đóng mở bằng điện	•
Chìa khóa tiện nghi không có chức năng KHÓA AN TOÀN	•
Chức năng chống trộm, ngăn chặn khởi động xe khi không có chìa khóa	•
Hệ thống kiểm soát hành trình với chức năng giới hạn tốc độ	•
Còi xe 2 âm	•
Chức năng Hold Assist khi dừng xe ngang dốc	•
Tùy chọn chế độ lái Audi Drive Select	•
NGOẠI THẤT	
Rèm che nắng chỉnh tay cho cửa sổ phía sau	•
Kính chắn gió bằng kính phản xạ nhiệt và cách âm	•
Cửa sổ bên và sau bằng kính phản xạ nhiệt	•
Gương chiếu hậu bên trái, lồi	•
Tấm che nắng phía trước	•
Vỏ gương ngoại thất cùng màu thân xe	•
Gương chiếu hậu bên phải, phi cầu	•
Thanh ốp chống trầy mép cốp xe bằng thép không gỉ	•
Cản gia cố	•
Đèn ban ngày riêng biệt	•
BÁNH XE VÀ HỆ THỐNG TREO	
Hệ thống treo tiêu chuẩn	•
Bu lông bánh xe tiêu chuẩn	•
Bộ dụng cụ và con đội	•
Lốp dự phòng có thể thu gọn	•
Hệ thống giám sát áp suất lốp gián tiếp	•
Lốp 235/55 R19 101W	•
Tay lái trợ lực cơ điện	•
Mâm hợp kim, kiểu sao 5 chấu kép (S style), phay bóng, 8.0J x 19, lốp 235/55 R19	•
NỘI THẤT & TIỆN NGHI	
Thảm sàn phía trước và phía sau	•
Trục vô lăng có thể điều chỉnh	•
Vô-lăng thể thao đa chức năng bọc da, 3 chấu, đáy phẳng	•
Sàn khoang hành lý	•
Thảm lót sàn khoang hành lý	•
Hàng ghế sau tiện nghi, gập tỉ lệ 40:20:40 hoặc gập hoàn toàn	•
Tấm che khoang hành lý	•
Gương chiếu hậu bên trong tự điều chỉnh độ sáng, tràn viền	•
Các chi tiết trang trí bằng nhôm xước mờ	•
Tựa đầu phía trước	•
Tựa tay trung tâm tiện nghi phía trước	•
Trần xe bọc vải đen	•
Hỗ trợ tựa lưng 4 chiều cho hàng ghế trước	•
Mỗi lửa và gạt tàn thuốc lá	•
Bề mặt tạo điểm nhấn được sơn màu đen bóng	•
Ghế da kết hợp vi sợi Dinamica "Frequenz" với logo chữ "S" dập nổi	•
Ghế thể thao phía trước	•
Gối chứa đồ và khoang hành lý	•
Gối đèn nội thất đa sắc	•
Cụm bàn đạp và gác chân bằng thép không gỉ	•
Tấm ốp chống trầy bề cửa trước bằng nhôm, được chiếu sáng, có logo "S"	•
Hệ thống điều hòa không khí 3 vùng	•
INFOTAINMENT	
Audi virtual cockpit Plus	•
Bang & Olufsen premium sound system with 3D sound	•
Bluetooth interface	•
Smartphone interface	•

OPTIONS	
Bộ sơ cứu, tam giác cảnh báo và áo phản quang	•
Thanh ray nóc màu đen	•
Gối ngoại thất đen huyền bí	•
Các chi tiết nội thất ốp da tổng hợp	•
Điều hướng MMI với màn hình MMI cảm ứng	•
Gối hỗ trợ đỡ xe	•
Tính năng hỗ trợ đỗ xe tự động	•
Camera 360 độ	•
Gói đèn chiếu sáng LED Matrix phía trước, đèn hậu LED phía sau và hệ thống rửa đèn pha	•
Công nghệ luồng sáng Matrix	•
Hệ thống đèn pha LED với các thấu kính	•
Đèn hậu LED kết hợp thiết kế đèn năng động và đèn báo rẽ động	•
Hệ thống rửa đèn pha	•
Camera đa chức năng	•
Gối trang bị dành cho thị trường Việt Nam	•
Ghế trước chỉnh điện có tính năng nhớ vị trí ghế lái	•
Gương chiếu hậu bên ngoài chỉnh điện, sưởi và gập điện, tự động chống lóa, với tính năng ghi nhớ điều chỉnh	•
Hiển thị thông tin trên kính chắn gió Head-up display (HUD)	•



Tùy chọn màu sơn:

- Đơn sắc:
- Z9 Trắng Arkona
- Ánh kim:
- Z7 Xám Chronos Grey, 6I Xanh Ultra, M4 Xanh District
- L5 Bạc Floret, 2Y Trắng Glacier, 0E Đen Myth, 2D Xanh Navarra

Bảo hành 3 năm không giới hạn số km sử dụng

Price starting from: 2,490,000,000 VND



Quét mã QR hoặc truy cập www.audi.vn để biết thêm thông tin

Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi
Thông tin chính xác vào tháng 3 năm 2024